TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2020
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Nga.

2. Ông Nguyễn Công Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Thạch T (C)**, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà **Lý Thị Thanh M**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Thạch T trình bày:

Ông và bà M được gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2012, đến ngày 21/6/2019 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Ông và bà M có người con chung

tên Thạch Thị Mỹ A, sinh ngày 11/01/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó do bà M thường xuyên bỏ đi nên hôn nhân không hạnh phúc và đến khoảng tháng 4/2020, bà M chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên cả hai ly thân đến nay. Theo đơn khởi kiện, ông yêu cầu được ly hôn với bà M và được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, ông yêu cầu được ly hôn với bà M và đồng ý giao con chung tên Thạch Thị Mỹ A, sinh ngày 11/01/2013 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Lý Thị Thanh M vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử cho ông T được ly hôn với bà M và giao cháu Mỹ A cho bà M được nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung do không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Lý Thị Thanh M có nơi cư trú tại ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ nhưng cả hai lần mở phiên tòa bị đơn đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà M sống chung với nhau từ năm 2012, đến ngày 21/6/2019 được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn (bút lục 02) nên đủ cơ sở xác định hôn nhân của họ là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn"*, như vậy ông T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ,

thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng theo lời trình bày của ông T và kết quả xác minh chính quyền địa phương và người thân của bà M (bút lục 31-32) thì hôn nhân của hai người không hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn do ông T ghen tuông, có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Sau khi Tòa án thụ lý có thông báo cho bà M biết việc ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn và thông báo hòa giải thì cả 02 lần đều vắng mặt, cả hai không chủ động trao đổi hàn gắn, cho thấy hôn nhân của ông T và bà M đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ và đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ trích lục khai sinh số 363/TLKS-BS ngày 13/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (bút lục 03), giữa ông T và bà M có một người con chung là Thạch Thị Mỹ A, sinh ngày 11/01/2013. Tại phiên tòa, ông T đồng ý giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Qua xem xét hiện cháu Mỹ A đang sống với bà M, được bà ngoại hỗ trợ chăm sóc và cháu có nguyện vọng được sống với mẹ (bút lục 33) nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông T, giao cháu Mỹ A cho bà M nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu, ông T không tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Giành quyền thăm nom con chung cho ông T theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, theo quy nguyên đơn phải chịu nhưng do ông T là người dân tộc khmer cư trú tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Thạch T được ly hôn với bà Lý Thị Thanh M.

- Về con chung: Giao con chung tên Thạch Thị Mỹ A, sinh ngày 11/01/2013 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Thạch T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn ông Thạch T được miễn theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai